

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

*ALPHA SEVEN GROUP
JOINT STOCK COMPANY*

Số: 25/2026/CV-A7

No: 25/2026/CV-A7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Ho Chi Minh City, March 30, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To: - *State Securities Commission of Vietnam*

- *Hanoi Stock Exchange*

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Tập đoàn Alpha Seven thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 đã soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 issued by the Ministry of Finance on information disclosure on the securities market, Alpha Seven Group Joint Stock Company hereby announces its reviewed financial statements for 2025 to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Organization Name: ALPHA SEVEN GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán: DL1

Stock code: DL1

- Địa chỉ: Lô I3- 6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Address: Lot I3-6 N2 Street, High-Tech Park, Tan Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

- Điện thoại liên hệ: 028.3736.7187

Fax: 028.3736.7187

Contact phone: 028.3736.7187

Fax: 028.3736.7187

- Email: info@a7group.vn

Website: http://www.a7group.vn

2. Nội dung thông tin công bố:



Content of the Announcement:

- Báo cáo tài chính năm 2025 đã soát xét.

The reviewed financial statements for 2025

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Separate financial statements (for a public company without subsidiaries and a superior accounting unit with affiliated units);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

Consolidated financial statements (for a public company with subsidiaries);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

Combined financial statements (for a public company with affiliated accounting units that have an independent accounting system).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Cases requiring an explanation of reasons:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

The auditing organization issues an opinion that is not an unqualified opinion on the financial statements (for reviewed/audited financial statements):

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document in case of integration:

Có/Yes

Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

The after-tax profit in the reporting period differs by 5% or more before and after the audit, or shifts from a loss to a profit or vice versa (for the audited financial statements of 2024):

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document in case of integration:

Có/Yes

Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

The after-tax profit in the income statement of the reporting period changes by 10% or more compared to the same period of the previous year:

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document in case of integration:

Có/Yes

Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

The after-tax profit in the reporting period is a loss, or it shifts from a profit in the same period of the previous year to a loss in the current period, or vice versa:

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document in case of integration:

Có/Yes

Không/No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/03/2026 tại đường dẫn:

This information was published on the Company's website on 30/03/2026 at the following link:

⇒ <https://a7group.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh.html>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong kỳ báo cáo năm 2025.

Report on transactions with a value equal to or exceeding 35% of the total assets during the 2025 reporting period.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau: Không có.

In cases where the public company has transactions, it is required to fully report the following details: None.

- Nội dung giao dịch:

Transaction content:

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);

The transaction value ratio to the company's total assets (%) (based on the most recent financial statements).;

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Transaction completion date:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

We hereby confirm that the information provided above is accurate and take full responsibility before the law for the content of the disclosed information.

Tài liệu đính kèm:

Attached Document:

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025; Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2025; Giải trình chênh lệch 10% LNST năm 202.

- Consolidated financial statements for 2025; Parent company financial statements for 2025;

Explanation of a 10% difference in after-tax profit for 2025.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật

Organization Representative

Legal Representative

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Sign, full name, position, seal)



Nguyễn Đình Trạc



Số: 24/2025/CV-A7

TpHCM, ngày 30 tháng 3 năm 2026

“V/v giải trình liên quan BCTC kiểm toán năm 2025”

**Kính gửi : Ủy Ban chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

- Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt và công bố thông tin đại chúng;

Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven giải trình chênh lệch liên quan đến Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt như sau :

I. Giải trình chênh lệch kết quả hoạt động kinh doanh Lợi nhuận sau thuế trong kỳ Báo cáo tài chính năm 2025 có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên:

1. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

Khoản mục	BCTC riêng năm 2025 (Đã kiểm toán)	BCTC riêng năm 2025 (Trước kiểm toán)	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.042.733.595	33.099.317.631	(20.056.584.036)

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 sau kiểm toán giảm số tiền 20,056 tỷ đồng, tương ứng 60,6% so với trước kiểm toán, do các nguyên nhân chính sau:

- Chi phí tài chính tăng 15,446 tỷ đồng sau kiểm toán do ghi nhận dự phòng giảm giá đầu tư tài chính tại các công ty con thiếu trước kiểm toán.
- Chi phí quản lý tăng 354 triệu đồng sau kiểm toán do ghi nhận thiếu trích lập dự phòng phải thu khó đòi
- Từ các nguyên nhân trên dẫn đến tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 15,8 tỷ đồng và chi phí thuế TNDN tăng 4,255 tỷ đồng dẫn đến Lợi nhuận sau thuế giảm tương ứng số tiền 20,056 tỷ đồng.

2. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Khoản mục	BCTC Hợp nhất năm 2025 (Đã kiểm toán)	BCTC Hợp nhất năm 2025 (Trước kiểm toán)	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	45.070.126.910	45.345.987.159	(275.860.249)

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 sau kiểm toán giảm số tiền 275 triệu đồng, tương ứng giảm 0,61%.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 49,785 tỷ đồng sau kiểm toán do ghi nhận sai doanh thu loại trừ Công ty con trước kiểm toán, các khoản giảm trừ doanh thu tăng 43,17%

- Giá vốn hàng bán ghi nhận giảm 56,230 tỷ đồng sau kiểm toán dẫn đến lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 6,444 tỷ đồng tương ứng

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 23,44% sau kiểm toán do ghi nhận hoạt động tài chính công ty con.

- Chi phí bán hàng giảm 1,347 tỷ đồng do ghi nhận tăng chi phí bán hàng trong kỳ công ty con;

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 7,456 tỷ đồng sau kiểm toán nguyên nhân chủ yếu công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi;

- Thu nhập khác tăng sau kiểm toán do ghi nhận từ thu nhập khác sang doanh thu hoạt động tài chính công ty con trước kiểm toán.

- Chi phí khác tăng 389 triệu đồng sau kiểm toán do chi phí không hợp lý hợp lệ

- Từ các nguyên nhân trên dẫn đến tổng lợi nhuận trước thuế TNDN sau kiểm toán tăng 5,750 tỷ và Chi phí thuế TNDN tăng sau kiểm toán 5,958 tỷ đồng do ghi nhận thuế Công ty con và Công ty mẹ và chi phí thuế TNDN hoãn lại tăng do phát sinh loại trừ khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi vào Công ty con dẫn đến tổng lợi nhuận sau thuế TNDN giảm số tiền 275 triệu đồng.

II. Giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính năm 2025 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước đã được kiểm toán:

1. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng :

Khoản mục	BCTC riêng năm 2025 (Đã kiểm toán)	BCTC riêng năm 2024 (Đã kiểm toán)	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.042.733.595	23.606.228.267	(10.563.494.672)

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 giảm 10,563 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024, do các nguyên nhân sau:

- Trong năm 2025 hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ của Công ty doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 14,77%, giá vốn hàng bán trong kỳ tăng 1,83% dẫn đến lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 2,736 tỷ đồng tương ứng 23% so cùng kỳ năm 2024;

- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2025 tăng 5,75% so cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chính nhận lợi nhuận được chia từ Công ty con, công ty liên kết;

- Chi phí tài chính tăng 13,859 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024, do công ty ghi nhận dự phòng giảm giá đầu tư tài chính công ty con;

- Chi phí khác tăng 254 triệu đồng, do tăng chi phí không hợp lý hợp lệ ;

Từ các nguyên nhân trên, dẫn đến lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 6,158 tỷ đồng, thuế TNDN tăng 4,404 tỷ đồng nên lợi nhuận sau thuế TNDN giảm 10,563 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024.

2. Tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Khoản mục	BCTC Hợp nhất năm 2025 (Đã kiểm toán)	BCTC Hợp nhất năm 2024 (Đã kiểm toán)	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	45.070.126.910	26.387.321.697	-18.682.805.213

- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 tăng 18,682 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024, do các nguyên nhân chính sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 tăng 267,584 tỷ đồng so cùng kỳ năm trước, trong đó: doanh thu bán sản phẩm linh kiện điện tử tăng 100,85% và dụng cụ gia dụng Công Ty Mass Noble tại Hong Kong 302 tỷ đồng, điện năng lượng mặt trời và ngành dịch vụ bãi đỗ. Các khoản giảm trừ doanh thu trong kỳ Công ty con giảm do hàng bán trả lại so với cùng kỳ năm 2024. Giá vốn hàng bán tăng dẫn đến lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm tương ứng 29,403 tỷ đồng tương ứng 16,07% so cùng kỳ năm 2024;

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 10,265 tỷ đồng tương ứng 31,89% so với cùng kỳ năm 2024

- Chi phí tài chính giảm 71,876 tỷ đồng do các khoản vay giảm dẫn đến chi phí lãi vay phát sinh giảm so với cùng kỳ năm trước ;

- Phần lãi lỗ trong công ty liên kết tăng 11,297 tỷ đồng so với cùng kỳ do Công ty liên kết doanh thu tăng so với cùng kỳ năm 2024;

- Chi phí bán hàng tăng 5,531 tỷ đồng so cùng kỳ năm 2024 và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 36,473 tỷ đồng tương ứng 51,23% so với cùng kỳ năm trước;

- Thu nhập khác tăng 2,667 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước;

- Chi phí khác giảm 1,465 tỷ tương ứng 65,98% so với cùng kỳ năm trước

Lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 26,162 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, chi phí thuế TNDN tăng do công ty con, Công ty mẹ tăng thuế TNDN, thuế thu nhập hoãn lại giảm so với cùng kỳ năm 2024.

Từ những nguyên nhân chính trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2025 tăng 18,682 tỷ đồng.

Trên đây là giải trình của công ty về một số nội dung liên quan đến báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN

ALPHA SEVEN

Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của JPA International
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 06
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	07 – 08
3. Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31/12/2025	09 – 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025	13 – 41
7. Phụ lục 01: Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình	42
8. Phụ lục 02: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	43



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven đã trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của công ty mẹ là Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven, 10 công ty con và 01 công ty liên kết (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán của Tập đoàn.

1. Khái quát về Tập đoàn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven (tên cũ là Công ty Cổ phần Tập đoàn Năng lượng tái tạo Việt Nam) là công ty cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900437257 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 21/12/2007. Công ty chính thức được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21 ngày 08 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau đó với lần đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 22 ngày 28 tháng 01 năm 2026 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ : 1.168.587.310.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2025 : 1.168.587.310.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DL1.

2. Trụ sở hoạt động

2.1 Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +84 (283) 736 7187

Fax : +84 (283) 736 7187

Mã số thuế : 5900437257

2.2 Các chi nhánh

Tên chi nhánh

Địa chỉ

Bến xe Gia Lai – Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven 43 Lý Nam Đế, Phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai

2.3 Thông tin về công ty con và công ty liên kết

Thông tin về công ty con tại ngày 31/12/2025 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)	Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)	Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)
1. Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen (công ty con trực tiếp)	Lô I3 - 6, đường N2, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất linh kiện điện tử.	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô B-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)	Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)	Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)
2. Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (công ty con trực tiếp) ^(*)	Thôn Quán Thè 1, xã Thuận Nam, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư xây dựng các công trình năng lượng Điện mặt trời – Điện gió; Sản xuất truyền tải điện; Khai thác đá, đất sét; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Lắp đặt máy móc công nghiệp, hệ thống điện.	50,0	50,0	50,0	50,0	50,0	50,0
3. Công ty TNHH Mass Noble Investment (công ty con trực tiếp)	957, Trung tâm doanh nghiệp nước ngoài Road Town, Tortola, Quần đảo Virgin Islands thuộc Anh	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử, viễn thông công nghệ cao	97,73	97,73	97,73	97,73	97,73	97,73
4. Công ty TNHH Đầu tư Ansen (công ty con gián tiếp) ^(**)	The British Virgin Islands	Đầu tư	0	0	97,73	97,73	100	100
5. Shine Profit Development Limited (công ty con gián tiếp) ^(**)	Hồng Kông	Thiết kế, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng	0	0	97,73	97,73	100	100
6. Greatrich Industrial Limited (công ty con gián tiếp) ^(**)	Hồng Kông	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng, đầu tư	0	0	97,73	97,73	100	100
7. Profit Metal Limited (công ty con gián tiếp) ^(**)	Hồng Kông	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng	0	0	97,73	97,73	100	100
8. 東莞橋頭益發燈具有限公司(công ty con gián tiếp) ^(**)	Trung Quốc	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng, đầu tư	0	0	97,73	97,73	100	100
9. 東莞利材塑膠製品有限公司(công ty con gián tiếp) ^(**)	Trung Quốc	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đóng gói	0	0	97,73	97,73	100	100

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)	Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)	Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)
10. 東莞安迅電子有限公司 (công ty con gián tiếp)**)	Trung Quốc	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng	0	0	97,73	97,73	100	100

(*) Trở thành công ty con do ông Nguyễn Đình Trạc là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (bổ nhiệm ngày 02/01/2022) đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty.

(**) Là công ty gián tiếp cấp 2 thông qua Công ty TNHH Mass Noble Investment.

Thông tin về công ty liên kết tại ngày 31/12/2025 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)	Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)	Cuối kỳ (%)	Đầu năm (%)
1. Công ty CP BOT&BT Đắc Nông	Số 4, đường Điện Biên Phủ, Tổ 3, Phường Đông Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng	Quản lý khai thác trạm thu phí đường bộ	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%

3. Ngành nghề hoạt động

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà ở;
- Xây dựng công trình điện;
- Sản xuất điện gió, điện mặt trời ...;
- Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;
- Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất, kinh doanh linh kiện điện tử.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**4.1 Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Tập đoàn trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Quý	Chủ tịch	25/06/2023	
Ông Nguyễn Đình Trạc	Phó Chủ tịch	25/06/2023	
Ông Nguyễn Tân Tiến	Thành viên	25/06/2023	
Ông Bùi Minh Đức	Thành viên	25/06/2023	
Ông Paul Anthony Murphy	Thành viên	01/06/2025	
Ông Phan Đức Hiếu	Thành viên	25/06/2023	01/06/2025

4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Tập đoàn trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phạm Thị Giang	Trưởng ban	25/06/2023	
Bà Trần Thị Vũ Thuận	Thành viên	25/06/2023	
Bà Hồ Thị Thu Trang	Thành viên	25/06/2023	

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đình Trạc	Tổng Giám đốc	30/06/2021	
Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Giám đốc	14/05/2010	
Ông Chu Sỹ Hoạt	Phó Giám đốc	06/05/2016	30/09/2025
Bà Hà Thị Phương Oanh	Kế toán trưởng	21/12/2007	

5 Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đình Trạc – Tổng Giám đốc.

6 Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) từ trang 09 đến trang 43.

7 Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tập đoàn sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo (hợp nhất) này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

8 Kiểm toán viênCông ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

9 Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất), kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong việc lập các Báo cáo tài chính (hợp nhất) này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính (hợp nhất);
- Lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính (hợp nhất), tình hình hoạt động (hợp nhất) của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

10 Phê duyệt các Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính (hợp nhất) đính kèm. Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và các luồng lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

TM. Ban Tổng Giám đốc



(Handwritten signature in blue ink)

NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026



Số 300309/26/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính (hợp nhất) kèm theo của công ty mẹ là Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026 (từ trang 09 đến trang 43), bao gồm Bảng cân đối kế toán (hợp nhất) tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) và thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính (hợp nhất) không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện Kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính (hợp nhất) Tập đoàn. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính (hợp nhất) Tập đoàn do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất) Tập đoàn trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính (hợp nhất) Tập đoàn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính (hợp nhất) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh (hợp nhất) và tình hình lưu chuyển tiền tệ (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



Trần Văn Hiệp - Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN 2141-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Lê Thị Diệu Hiền – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số 6307-2023-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.566.058.906.343	1.199.216.369.297
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	89.069.985.609	152.088.431.637
111	1. Tiền		89.069.985.609	152.088.431.637
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		203.000.000.000	151.020.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	V.2	-	55.200.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(4.180.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.3	203.000.000.000	100.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.217.581.493.857	800.337.720.509
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.4	161.204.596.806	371.318.261.770
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.5	48.740.107.111	28.794.239.853
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.6	323.141.713.873	318.350.576.828
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.7a	685.831.497.823	98.311.588.589
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.8	(2.321.989.503)	(17.421.847.787)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		985.567.747	984.901.256
140	IV. Hàng tồn kho	V.9	52.814.851.867	85.060.044.621
141	1. Hàng tồn kho		67.466.662.174	114.920.447.162
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(14.651.810.307)	(29.860.402.541)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.592.575.010	10.710.172.530
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.10a	771.135.409	484.768.645
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.636.675.939	10.199.851.528
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.19	184.763.662	25.552.357
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.565.615.069.095	1.370.978.737.200
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		256.674.375.501	2.064.375.501
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.7b	256.674.375.501	2.064.375.501
220	II. Tài sản cố định		797.854.720.775	815.320.180.361
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.11	689.124.692.865	737.238.315.274
222	- Nguyên giá		1.850.237.365.822	1.823.339.650.984
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.161.112.672.957)	(1.086.101.335.710)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.12	108.730.027.910	78.081.865.087
228	- Nguyên giá		109.182.881.423	326.824.439.672
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(452.853.513)	(248.742.574.585)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.13	-	-
231	- Nguyên giá		1.891.892.974	1.891.892.974
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.891.892.974)	(1.891.892.974)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		824.656.478	48.843.637.960
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.14	824.656.478	48.843.637.960
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.15	299.809.528.081	271.715.750.117
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		269.910.246.265	244.058.100.784
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		29.899.281.816	55.462.365.461
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	(27.804.716.128)
	VI. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		210.451.788.260	233.034.793.261
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.10b	97.256.377.738	86.627.436.014
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		822.539.767	120.346.146
269	3. Lợi thế thương mại	V.16	112.372.870.755	146.287.011.101
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.131.673.975.438	2.570.195.106.497

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.782.096.309.575	1.198.838.662.924
310	I. Nợ ngắn hạn		1.248.097.486.839	570.003.227.114
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.17	127.595.852.456	113.645.575.910
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.18	43.027.726.023	32.221.569.842
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.19	74.023.321.537	63.648.230.284
314	4. Phải trả người lao động		20.179.625.985	30.556.989.411
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.20	58.315.216.008	66.706.655.158
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.21	535.884.611.606	10.571.577.249
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.22a	383.732.712.557	252.017.960.193
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		4.703.751.600	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		634.669.067	634.669.067
330	II. Nợ dài hạn		533.998.822.736	628.835.435.810
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	980.256.425
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.22b	524.443.793.040	625.837.498.040
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		9.555.029.696	2.017.681.345
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.349.577.665.863	1.371.356.443.573
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.23	1.349.577.665.863	1.371.356.443.573
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.168.587.310.000	1.062.360.940.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.168.587.310.000	1.062.360.940.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		684.685.820	1.049.485.820
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		12.947.238.369	8.690.981.673
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		663.498.805	663.498.805
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		55.241.283.495	164.151.385.588
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		51.187.002.822	162.764.900.005
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		4.054.280.673	1.386.485.583
429	6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		111.453.649.374	134.440.151.687
	E. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.131.673.975.438	2.570.195.106.497

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu/Kế toán trưởng



HÀ THỊ PHƯƠNG OANH



Giám Đốc



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	793.055.455.819	525.470.723.348
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		1.084.850	2.721.335
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		793.054.370.969	525.468.002.013
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	639.522.477.454	342.532.281.754
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		153.531.893.515	182.935.720.259
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	42.458.451.947	32.192.806.953
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	59.076.585.018	130.952.776.250
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		61.642.362.981	69.459.817.485
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		34.552.145.481	23.254.817.616
25	9. Chi phí bán hàng	VI.5	8.641.595.533	3.110.007.165
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	107.662.508.939	71.188.953.374
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		55.161.801.453	33.131.608.039
31	12. Thu nhập khác		2.852.007.341	184.955.451
32	13. Chi phí khác		755.569.925	2.221.016.609
40	14. Lợi nhuận khác		2.096.437.416	(2.036.061.158)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		57.258.238.869	31.095.546.881
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.19	12.120.262.043	2.984.448.997
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		67.849.916	1.723.776.187
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		45.070.126.910	26.387.321.697
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		4.054.280.673	1.386.485.583
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		41.015.846.237	25.000.836.114
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	35	13
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	22	13

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu/Kế toán trưởng


HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

Tổng Giám Đốc

YÊN ĐÌNH TRẠC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (HỢP NHẤT)

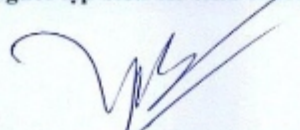
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	V.23	57.258.238.869	31.095.546.881
	2. Điều chỉnh cho các khoản		74.531.385.565	21.494.463.564
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.11,12,13,16	94.096.726.185	79.105.523.593
03	- Các khoản dự phòng		(57.589.415.046)	74.914.266.456
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(61.503.224.534)	(51.510.794.448)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	61.642.362.981	69.945.313.720
07	- Các khoản điều chỉnh khác		37.884.935.979	(150.959.845.757)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		131.789.624.434	52.590.010.445
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(369.840.331.348)	(60.642.118.993)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		47.453.784.988	(96.474.068.833)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		447.215.402.891	158.085.736.108
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		6.346.741.660	(57.770.320.109)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		55.200.000.000	(62.000.000.000)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(65.475.904.858)	(123.418.482.788)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.19	(4.028.493.259)	(265.177.350)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		248.660.824.508	(189.894.421.520)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(10.937.867.545)	(92.867.778.329)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.791.137.045)	(16.077.874.111)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		(103.000.000.000)	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25.563.083.645	-
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	447.578.934.010
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	(248.469.596.955)	14.334.952.759
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(341.635.517.900)	352.968.234.329
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		(364.800.000)	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.22a	652.305.163.520	542.780.595.675
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.22a	(621.984.116.156)	(557.980.096.785)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		29.956.247.364	(15.199.501.107)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(63.018.446.028)	147.874.311.702
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	152.088.431.637	4.214.119.935
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	89.069.985.609	152.088.431.637

Người lập biểu/Kế toán trưởng



HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026



Tổng Giám Đốc


NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty CP Tập đoàn Alpha Seven (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và 10 Công ty con cùng 01 Công ty liên kết (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Alpha Seven là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ vận chuyển hành khách;
- Dịch vụ bến xe, bãi đỗ;
- Mua bán đá, phân bón, nông sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Bán điện năng lượng mặt trời thương phẩm.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà ở;
- Xây dựng công trình điện;
- Sản xuất điện gió, điện mặt trời ...;
- Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành;
- Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh;
- Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất linh kiện điện tử.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn: 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Quý 3 năm 2024, Tập đoàn mua mới Công ty TNHH Mass Noble Investment cùng các công ty thành viên của Công ty TNHH Mass Noble Investment. Do đó, kết quả kinh doanh năm nay biến động so với năm trước, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 tăng 70,8% so với cùng kỳ năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô B-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6. Các Công ty con và Công ty liên kết được hợp nhất**6.1 Tổng số Công ty con được hợp nhất**

Tổng số công ty con tại ngày 31/12/2025: 10 công ty

Số lượng công ty con được hợp nhất: 10 công ty

Công ty con

Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
		Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ Lợi ích
1. Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen (công ty con trực tiếp)	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng; sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển; sản xuất linh kiện điện tử.	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%	100,0%
2. Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (công ty con trực tiếp) (*)	Sản xuất kinh doanh điện năng lượng mặt trời	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%	50,0%
3. Công ty TNHH Mass Noble Investment (công ty con trực tiếp)	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử, viễn thông công nghệ cao	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%	97,73%
4. Ansen Investment Holdings Limited (công ty con gián tiếp) (**)	Đầu tư	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
5. Shine Profit Development Limited (công ty con gián tiếp) (**)	Thiết kế, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
6. Greatrich Industrial Limited (công ty con gián tiếp) (**)	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng, đầu tư	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
7. Profit Metal Limited (công ty con gián tiếp) (**)	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
8. 東莞橋頭益發燈具有限公司 (công ty con gián tiếp) (**)	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng, đầu tư	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô B-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
		Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ Lợi ích
9. 東莞利材塑膠製品有限公司(công ty con gián tiếp)**	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm đóng gói	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%
10. 東莞安迅電子有限公司(công ty con gián tiếp)**	Sản xuất và kinh doanh linh kiện của các sản phẩm chăm sóc cá nhân, an ninh gia đình và tiết kiệm năng lượng	0%	100%	97,73%	0%	100%	97,73%

(*) Trở thành công ty con do ông Nguyễn Đình Trạc là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận (bổ nhiệm ngày 02/01/2022) đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty.

(**) Là công ty gián tiếp cấp 2 thông qua Công ty TNHH Mass Noble Investment.

6.2 Tổng số Công ty liên kết

- Tổng số Công ty liên kết tại ngày 31/12/2025: 01 Công ty

- Số lượng các Công ty liên kết được hợp nhất (theo phương pháp vốn chủ sở hữu): 01 Công ty

Các Công ty liên kết

Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Tại ngày cuối năm			Tại ngày đầu năm		
		Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1. Công ty CP BOT&BT Đức Long Đăk Nông	Quản lý khai thác trạm thu phí đường bộ	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%	29,0%

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 651 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 814 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Báo cáo tài chính (hợp nhất) được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con

Công ty con

Công ty con là các đơn vị mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách Kế toán thống nhất với các chính sách Kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở đơn vị đó.

Tập đoàn đã áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để trình bày khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này.

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Tập đoàn đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 48
Máy móc và thiết bị	10 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4,5 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý hoặc để bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu là số vốn thực góp của cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đã trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Tập đoàn hoặc theo Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết.

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

Các khoản thuế Tập đoàn tính và nộp ngân sách gồm:

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.444.898.800	2.574.518.355
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	86.625.086.809	149.513.913.282
Tổng cộng	89.069.985.609	152.088.431.637

2. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	-	-	-	55.200.000.000	51.020.000.000	(4.180.000.000)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	-	-	-	55.200.000.000	51.020.000.000	(4.180.000.000)
Cộng	-	-	-	55.200.000.000	51.020.000.000	(4.180.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Biến động đầu tư chứng khoán ngắn hạn

	Đầu năm		Tình hình tăng/(giảm) trong năm		Cuối năm	
	Số lượng	Giá gốc đầu tư	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá gốc đầu tư
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai	1.840.000	55.200.000.000	(1.840.000)	(55.200.000.000)	-	-
Cộng	1.840.000	55.200.000.000	(1.840.000)	(55.200.000.000)	-	-

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	203.000.000.000	203.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu	176.000.000.000	176.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Phát triển Tp.HCM	20.000.000.000	20.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-
- Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	203.000.000.000	203.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000

Trong đó giá trị hợp đồng tiền gửi cuối năm dùng để thế chấp cho hợp đồng vay các khoản vay là 196.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.22).

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của các bên liên quan	-	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	161.204.596.806	371.318.261.770
- Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	23.464.340.606	20.893.616.562
- Skyworth Overseas Sales Ltd	60.637.967.075	34.874.116.280
- Công ty TNHH Skyworth Việt Nam	41.887.959.322	-
- Các đối tượng khác	35.214.329.803	315.550.528.928
Cộng	161.204.596.806	371.318.261.770

Trong đó giá trị phải thu khách hàng cuối kỳ dùng để thế chấp cho khoản vay là 102.595.975.897 đồng (xem Thuyết minh V.22).

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	48.740.107.111	28.794.239.853
- Các đối tượng khác	48.740.107.111	28.794.239.853
Cộng	48.740.107.111	28.794.239.853

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu tổ chức, cá nhân khác</i>	323.141.713.873	318.350.576.828
- Mai Xuân Bình ⁽¹⁾	129.969.238.750	85.972.655.004
- Trần Thị Quỳnh ⁽¹⁾	23.315.738.000	18.679.700.000
- Vũ Văn Tín ⁽¹⁾	65.540.000.000	-
- Hoàng Duy Khiêm ⁽¹⁾	50.000.000.000	-
- Các đối tượng khác ⁽¹⁾	54.316.737.123	213.698.221.824
Cộng	323.141.713.873	318.350.576.828

⁽¹⁾ Là các khoản cho cá nhân vay với lãi suất từ 07%/năm đến 10%/năm.

7. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

7a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	545.580.000.000	7.380.000.000
- Cổ tức được nhận từ các công ty liên kết	16.080.000.000	7.380.000.000
- Chuyển giao quyền kiểm soát Công ty CP BOT và BT Đức Long Đắc Nông ^(*)	529.500.000.000	-
<i>Phải thu tổ chức, cá nhân khác</i>	140.251.497.823	90.931.588.589
- Lãi cho vay phải thu	78.083.809.273	71.376.095.062
- Tạm ứng nhân viên	7.062.264.705	3.138.579.788
- Các khoản phải thu khác	55.105.423.845	16.416.913.739
Cộng	685.831.497.823	98.311.588.589

^(*) Quyền kiểm soát được chuyển giao bắt đầu từ ngày 01/01/2026.

7b. *Phải thu dài hạn khác*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	2.064.375.501	2.064.375.501
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (ký quỹ)	2.064.375.501	2.064.375.501
Phải thu tổ chức, cá nhân khác	254.610.000.000	-
- Công Ty TNHH Một thành Viên Trường An Tây Nguyên (*)	254.610.000.000	-
Cộng	256.674.375.501	2.064.375.501

(*) Là khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công Ty TNHH Một thành Viên Trường An Tây Nguyên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD-DL1-TATN ngày 20 tháng 09 năm 2025 về việc cùng nhau hợp tác đầu tư trong việc kinh doanh khách sạn DLG Đà Nẵng, địa chỉ số 258 Võ Nguyên Giáp, phường An Hải, Tp. Đà Nẵng. Theo đó, lợi nhuận sẽ được phân chia cho mỗi bên tương ứng theo tỷ lệ góp vốn thực hiện dự án nhưng không thấp hơn 9%/năm tính trên số tiền hợp tác kinh doanh.

8. *Dự phòng các khoản phải thu khó đòi*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng phải thu các bên liên quan	-	-
Dự phòng phải thu là các tổ chức và cá nhân không là bên liên quan	-	-
- Quá hạn thu hồi trên trên 06 tháng, dưới 1 năm	-	(13.500.000.000)
- Quá hạn thu hồi trên 2 năm, dưới 3 năm	-	(1.359.424.035)
- Quá hạn thu hồi trên 3 năm	(2.321.989.503)	(2.562.423.752)
Cộng	(2.321.989.503)	(17.421.847.787)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(17.421.847.787)	(672.700.000)
- Trích lập dự phòng	(710.300.000)	(13.500.000.000)
- Dự phòng tăng do hợp nhất công ty con mới mua trong năm	-	(4.941.440.488)
- Ảnh hưởng tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	(94.503.536)	(547.420.445)
- Hoàn nhập dự phòng	15.904.661.820	2.239.713.146
Số cuối năm	(2.321.989.503)	(17.421.847.787)

9. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu ⁽¹⁾	25.164.421.772	(9.356.193.522)	29.978.800.189	(8.134.353.342)
- Công cụ dụng cụ	357.019.344	-	557.330.671	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ⁽²⁾	20.092.057.370	(921.604.068)	39.455.184.153	(17.938.939.141)
- Thành phẩm ⁽³⁾	21.853.163.688	(4.374.012.717)	44.929.132.149	(3.787.110.058)
Cộng	67.466.662.174	(14.651.810.307)	114.920.447.162	(29.860.402.541)

⁽¹⁾ Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là các vật tư dùng sản xuất các linh kiện điện tử.

⁽²⁾ Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang chủ yếu là các thiết bị linh kiện điện tử, các sản phẩm tiện ích gia đình đang trong quá trình sản xuất.

⁽³⁾ Thành phẩm chủ yếu là các linh kiện điện tử các loại.

10. Chi phí trả trước ngắn và dài hạn

10a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Tình hình biến động:	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	484.768.645	378.674.041
- Mua mới trong năm	1.777.306.417	2.624.331.031
- Phân bổ trong năm	(1.490.939.653)	(2.518.236.427)
Số cuối năm	771.135.409	484.768.645
Chi tiết số dư:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	771.135.409	484.768.645
Cộng	771.135.409	484.768.645

10b. Chi phí trả trước dài hạn

Tình hình biến động:	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	86.627.436.014	28.963.210.509
- Mua mới trong năm	18.984.579.386	30.121.628.713
- Tăng do hợp nhất công ty con mới mua trong năm	-	32.630.488.149
- Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo	141.322.037	3.298.626
- Ảnh hưởng tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	757.879.372	990.737.730
- Phân bổ trong năm	(9.254.839.071)	(6.081.927.713)
Số cuối năm	97.256.377.738	86.627.436.014

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chi tiết số dư:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng ⁽¹⁾	23.694.535.064	25.407.393.020
- Tiền thuê đất ⁽²⁾	29.952.909.324	32.394.552.062
- Quyền sử dụng đất có thời hạn ⁽³⁾	25.061.111.114	25.927.777.778
- Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	173.997.402	2.178.544.746
- Chi phí sửa chữa tài sản	1.583.722.362	270.061.726
- Chi phí khác	16.790.102.472	449.106.682
Cộng	97.256.377.738	86.627.436.014

⁽¹⁾ Là tiền thuê đất theo Hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Hợp đồng thuê đất số 25/HĐTD ngày 26/06/2020, thời gian thuê 50 năm, diện tích 15.828,60 m² (được cấp GCNQSDĐ số 159262); Hợp đồng thuê đất số 06/HĐTD ngày 31/01/2020, thời gian thuê 50 năm, diện tích 560.087,20 m² (được cấp GCNQSDĐ số 364963). Giá trị còn lại của chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng dùng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng là 23.694.535.064 đồng (xem Thuyết minh V.22).

⁽²⁾ Là tiền thuê đất tại nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa.

⁽³⁾ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 27, 35 tờ bản đồ số 9 và 61 tại địa chỉ lô I3-6 Khu Công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê đất: 01/02/2055.

11. Tài sản cố định hữu hìnhChi tiết xem *Phụ lục 01* đính kèm.**12. Tài sản cố định vô hình**

Chi tiêu	Phần mềm vi tính	Quyền sử dụng đất lâu dài	Chi phí triển khai	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	691.262.941	60.000.000.000	266.133.176.731	326.824.439.672
2. Tăng trong năm				
- Tăng do mua mới	232.637.000	48.258.981.482	4.464.428.136	52.956.046.618
- Ảnh hưởng tỷ giá do chuyển đổi báo cáo			4.765.583.282	4.765.583.282
3. Giảm trong năm	-	-	(275.363.188.149)	(275.363.188.149)
4. Số dư cuối năm	923.899.941	108.258.981.482	-	109.182.881.423
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	170.135.000	-	-	170.135.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	359.762.415	-	248.382.812.170	248.742.574.585
2. Tăng trong năm	93.091.098	-	248.382.812.170	248.742.574.585
- Khấu hao trong năm	93.091.098	-	5.270.594.091	5.363.685.189
- Ảnh hưởng tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	-	-	4.447.731.740	4.447.731.740

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. Giảm trong năm	-	-	(258.101.138.001)	(258.101.138.001)
4. Số dư cuối năm	452.853.513	-	-	452.853.513
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	331.500.526	60.000.000.000	17.750.364.561	78.081.865.087
2. Tại ngày cuối năm	471.046.428	108.258.981.482	-	108.730.027.910

Trong đó: Giá trị còn lại dùng để thế chấp cho khoản vay là 60.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.22).

13. Bất động sản đầu tư

Chỉ tiêu	Kiốt cho thuê	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	1.891.892.974	1.891.892.974
2. Số dư cuối năm	1.891.892.974	1.891.892.974
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.891.892.974	1.891.892.974
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	1.891.892.974	1.891.892.974
2. Số dư cuối năm	1.891.892.974	1.891.892.974
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-

Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	1.293.809.081	1.093.699.995
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	-	-
Lãi/(Lỗ) từ kinh doanh bất động sản đầu tư	1.293.809.081	1.093.699.995

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản thực hiện triển khai xây dựng cao ốc văn phòng tại khu đất này.

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	269.910.246.265	244.058.100.784
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	29.485.139.400	55.462.365.461
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(27.804.716.128)
Cộng	299.809.528.081	271.715.750.117

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

15a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**Giá gốc khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc
- Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông (*)	Quản lý khai thác trạm thu phí đường bộ	29%	201.187.500.000	29%	201.187.500.000
Cộng			201.187.500.000		201.187.500.000

(*) Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400192949 ngày 03 tháng 08 năm 2010 và thay đổi lần thứ 09 ngày 27 tháng 03 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Nông cấp. Ngành nghề hoạt động chính là Đầu tư xây dựng công trình giao thông. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 7.250.000 cổ phiếu, tương đương 29% vốn điều lệ của Công ty CP BOT và BT Đức Long Đăk Nông (số đầu năm là 7.250.000 cổ phiếu, tương đương 29% vốn điều lệ).

Khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ như sau:

	Công ty CP BOT&BT Đức Long Đăk Nông	Cộng
Giá gốc khoản đầu tư		
- Số đầu năm	201.187.500.000	201.187.500.000
- Tăng giá trị đầu tư	-	-
- Số cuối năm	201.187.500.000	201.187.500.000
Phần lũy kế lãi/(lỗ) lợi nhuận sau khi mua		
- Số đầu năm	42.870.600.784	42.870.600.784
- Phần lãi/(lỗ) từ công ty liên kết, liên doanh trong năm	34.552.145.481	34.552.145.481
- Loại trừ cổ tức nhận được trong năm	(8.700.000.000)	(8.700.000.000)
- Số cuối năm	68.722.746.265	68.722.746.265
Giá trị ghi sổ		
Số đầu năm	244.058.100.784	244.058.100.784
Số cuối năm	269.910.246.265	269.910.246.265

15b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý(*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư dài hạn khác	29.899.281.816	38.676.400.000	-	55.462.365.461	27.657.649.333	(27.804.716.128)
Cộng	29.899.281.816	38.676.400.000	-	55.462.365.461	27.657.649.333	(27.804.716.128)

(*) Đối với cổ phiếu có giá giao dịch, giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2025 của các Sở giao dịch chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

16. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con	Số đầu năm	Ảnh hưởng tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	Phân bổ trong năm	Số cuối năm
- Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen	459.084.563	-	(66.373.672)	392.710.891
- Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận	57.368.121.737		(8.195.445.962)	49.172.675.775
- Công ty TNHH Mass Noble Investment	70.054.501.484	-	(7.247.017.395)	62.807.484.089
- Các công ty của Công ty TNHH Mass Noble Investment	18.405.303.317	562.557.897	(18.967.861.214)	-
Cộng	146.287.011.101	562.557.897	(34.476.698.243)	112.372.870.755

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan	2.280.858.000	3.863.200.000
- Công ty CP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai	2.280.858.000	3.863.200.000
Phải trả ngắn hạn cho các nhà cung cấp khác	125.314.994.456	109.782.375.910
- Shenzhen Chuangwei – RGB Electronics Company Limited	39.329.334.667	42.804.130.060
- Skyworth Overseas Sale Ltd	58.752.119.250	-
- Các đối tượng khác	27.233.540.539	66.978.245.850
Cộng	127.595.852.456	113.645.575.910

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước bên liên quan	-	-
Đối tượng khác	43.027.726.023	32.221.569.842
- Đối tượng khác	43.027.726.023	32.221.569.842
Cộng	43.027.726.023	32.221.569.842

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô B-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>			<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Ảnh hưởng tỷ giá do chuyển đổi báo cáo</u>	<u>Đã nộp/ Hoàn nhập</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT	349.032.082	25.508.074	14.132.997.254	-	(13.894.646.258)	746.594.386	184.719.382
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.026	1.649.242.199	-	(1.649.242.199)	-	4.026
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.352.826.056	-	12.120.262.043	2.036.850.704	(4.028.493.259)	72.481.445.544	-
- Thuế thu nhập cá nhân	181.086.546	-	3.271.534.264	-	(3.420.598.407)	32.022.403	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	40.257	240.412.299		(240.412.296)	-	40.254
- Phí, lệ phí, phải nộp khác	765.285.600	-	1.226.649.607		(1.228.676.003)	763.259.204	
Cộng	63.648.230.284	25.552.357	32.641.097.666	2.036.850.704	(24.462.068.422)	74.023.321.537	184.763.662

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	57.258.238.869	31.095.546.881
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	183.937.467.428	85.016.663.668
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	168.428.630.399	7.917.162.942
+ Phân bổ lợi thế thương mại	15.508.837.029	22.000.344.207
+ Lỗ thu nhập chịu thuế của các chi nhánh quyết toán riêng thuế TNDN	-	55.099.156.519
- Các khoản điều chỉnh giảm	(145.936.152.031)	(51.626.332.943)
+ Phần lãi trong công ty liên doanh liên kết theo phương pháp vốn chủ	(34.552.145.481)	(23.254.817.616)
+ Ảnh hưởng từ hợp nhất	(83.686.758.651)	(22.768.749.293)
+ Giảm khác	(27.697.247.899)	(5.602.766.034)
Thu nhập chịu thuế	95.259.554.266	64.485.877.606
Thu nhập được miễn thuế	-	(382.366.715)
Thu nhập tính thuế	95.259.554.266	64.103.510.891
Thuế TNDN phải nộp theo thu nhập tính thuế	15.470.755.698	6.266.897.357
Thuế TNDN được giảm (*)	(3.353.348.730)	(3.297.903.282)
Thuế TNDN bổ sung của các kỳ trước	2.855.075	15.454.922
Tổng Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	12.120.262.043	2.984.448.997

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay phải trả	6.530.852.199	10.364.394.076
- Phải trả chi phí vận hành nhà máy, văn phòng	14.336.006.612	11.564.413.612
- Chi phí phải trả khác	37.448.357.197	44.777.847.470
Cộng	58.315.216.008	66.706.655.158

21. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan	529.500.000.000	
- Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (*)	529.500.000.000	
Phải trả ngắn hạn khác	6.384.611.606	10.571.577.249
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.434.481.110	8.018.973.247
- Phải trả khác	1.950.130.496	2.552.604.002
Cộng	535.884.611.606	10.571.577.249

(*) Là khoản phải trả theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công Ty CP BOT&BT Đức Long Đăk Nông theo Hợp đồng số 01/2025/HĐCNCP/DLG-DL1 ngày 30/12/2025.

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn

Tình hình biến động các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
- Vay ngắn hạn và dài hạn Ngân hàng, tổ chức, cá nhân	877.855.458.233	652.305.163.520	(621.984.116.156)	908.176.505.597
Cộng	877.855.458.233	652.305.163.520	(621.984.116.156)	908.176.505.597

22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	290.517.007.557	290.517.007.557	166.223.205.193	166.223.205.193
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	50.275.348.497	50.275.348.497
- Ngân hàng TMCP Á Châu ⁽¹⁾	271.217.007.557	271.217.007.557	65.947.856.696	65.947.856.696
- Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam ⁽²⁾	19.300.000.000	19.300.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
- Các đối tượng khác	-	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	93.215.705.000	93.215.705.000	85.794.755.000	85.794.755.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông	93.215.705.000	93.215.705.000	85.794.755.000	85.794.755.000
Cộng	383.732.712.557	383.732.712.557	252.017.960.193	252.017.960.193

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô B-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(1) Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng như sau:

a. Hợp đồng cấp tín dụng số KHO.DN.1002.210825 ngày 04/12/2024:

- Hạn mức cho vay là 17.000.000.000 và 2.000.000 USD;
- Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày nhận nợ;
- Thời hạn vay: mỗi kế ước nhận nợ không quá 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ;
- Mục đích: cho vay đảm bảo bằng khoản phải thu T/T sau giao hàng, cho vay bổ sung vốn lưu động theo ngành nghề kinh doanh đã đăng ký;
- Tài sản đảm bảo: + Toàn bộ quyền tài sản là quyền đòi nợ, các khoản phải thu, quyền đòi bồi thường thiệt hại, quyền thụ hưởng bảo hiểm và toàn bộ các quyền khác trị giá được bằng tiền, lợi ích, các khoản tiền (tiền đòi nợ, tiền phải thu, tiền bồi thường thiệt hại, tiền thụ hưởng bảo hiểm và các khoản khác); tài sản là động sản khác có giá trị bằng tiền thiệt hại, tiền thụ hưởng bảo hiểm và các khoản tiền khác; tài sản là động sản khác có giá trị bằng tiền mà Công ty có được theo (các) bộ chứng từ xuất khẩu theo phương thức thanh toán sau giao hàng hình thành trong tương lai được ký kết giữa Công ty và Bên có nghĩa vụ (là các cá nhân, tổ chức có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty), bao gồm các quyền tài sản, các khoản tiền của Công ty trong việc giải quyết hợp đồng vô hiệu, hợp đồng kết thúc trước hạn. Chi tiết xem tại mục V.4 – Thuyết minh Báo cáo tài chính.

b. Hợp đồng cấp tín dụng số KHO.DN.6572.170425 ngày 23/04/2025:

- Hạn mức cho vay là 15.000.000.000 đồng;
 - Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - Thời hạn vay: mỗi kế ước nhận nợ không quá thời hạn có hiệu lực của hợp đồng tín dụng;
 - Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ;
 - Mục đích: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - Tài sản đảm bảo:
 - + Toàn bộ quyền tài sản là quyền đòi nợ, các khoản phải thu, quyền đòi bồi thường thiệt hại, quyền thụ hưởng bảo hiểm và toàn bộ các quyền khác trị giá được bằng tiền, lợi ích; các khoản tiền (tiền đòi nợ, tiền phải thu, tiền bồi thường thiệt hại, tiền thụ hưởng bảo hiểm và các khoản tiền khác); tài sản là động sản khác có giá trị bằng tiền mà Công ty có được theo (các) bộ chứng từ xuất khẩu theo phương thức thanh toán sau giao hàng hình thành trong tương lai được ký kết giữa Công ty và Bên có nghĩa vụ (là các cá nhân, tổ chức có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty), bao gồm các quyền tài sản, các khoản tiền của Công ty trong việc giải quyết hợp đồng vô hiệu, hợp đồng kết thúc trước hạn. Chi tiết xem tại mục V.4 – Thuyết minh Báo cáo tài chính.
- + Bất động sản. Chi tiết xem tại mục V.22.b – Thuyết minh Báo cáo tài chính.

c. Hợp đồng tín dụng số KHO.DN.6269.200825 ngày 21/08/2025.

- Số tiền vay : 50.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất vay : Theo thỏa thuận của từng lần nhận nợ;
- Thời hạn cho vay: 06 tháng;
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi tiết kiệm có giá trị 50.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.3).

d. Hợp đồng tín dụng số KHO.DN.1438.150925 ngày 19/09/2025.

- Số tiền vay : 180.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất vay : Theo thỏa thuận của từng lần nhận nợ;
- Thời hạn cho vay: 09 tháng;
- Tài sản đảm bảo :
 - + Thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi tiết kiệm có giá trị 150.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.3).
 - + Thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi tiết kiệm có giá trị 26.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.3)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

e. Hợp đồng tín dụng số KHO.DN.4031.251225 ngày 26/12/2025 và các phụ lục kèm theo.

- Số tiền vay : 60.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất vay : Theo thỏa thuận của từng lần nhận nợ;
- Thời hạn cho vay : 06 tháng;
- Tài sản đảm bảo : Thẻ chấp bằng hợp đồng tiền gửi tiết kiệm có giá trị 120.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.3).

(2) Hợp đồng cấp hạn mức số 01/2025PGDCC/HĐTD ngày 26/09/2025

- Số tiền vay : 30.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay : bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất vay : Theo thỏa thuận của từng lần nhận nợ;
- Thời hạn cho vay : 12 tháng;
- Tài sản đảm bảo : Thẻ chấp bằng hợp đồng tiền gửi tiết kiệm có giá trị 20.000.000.000 đồng (xem tại Thuyết minh V.3).

22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả cho các bên liên quan</i>		-		-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả cho các tổ chức và cá nhân khác</i>	524.443.793.040	524.443.793.040	625.837.498.040	625.837.498.040
Ngân hàng TMCP Phương Đông ⁽¹⁾	483.554.043.040	483.554.043.040	576.769.748.040	576.769.748.040
Ngân hàng TMCP Á Châu ⁽²⁾	40.889.750.000	40.889.750.000	49.067.750.000	49.067.750.000
Cộng	524.443.793.040	524.443.793.040	625.837.498.040	625.837.498.040

(1) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 00009/2019/HĐTD-OCB-DN ngày 08/08/2019 và Hợp đồng tín dụng số 00010/2019/HĐTD-OCB-DN ngày 08/08/2019, thời hạn vay 144 tháng, lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Tổng số dư tiền vay đến thời điểm 31/12/2025 là 576.769.748.040 đồng (trong đó nợ vay đến hạn trả trong năm 2026 là 93.215.705.000 đồng được trình bày tại mục Thuyết minh V.11b) với mục đích phục vụ hoạt động đầu tư xây dựng nhà máy điện mặt trời Thuận Nam Đức Long (Thuận Nam 19) (gọi tắt là “Dự án”).

Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị Dự án hình thành tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 603.245.725.324 đồng (xem tại Thuyết minh V.5) và GCNQSDĐ số 364963 với diện tích 560.087,2 m², GCNQSDĐ số 159262 với diện tích 15.828,6 m², với giá trị bồi thường giải phóng mặt bằng còn lại là 23.694.535.064 đồng (xem tại Thuyết minh V.7).

(2) Là khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số KHO.DN.2454.270624 ngày 05/12/2024:

- Hạn mức cho vay là 50.000.000.000 đồng;
- Thời hạn cho vay: 77 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ;
- Mục đích: thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ hợp pháp để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại lô I3-6 đường N2, Khu Công nghệ Cao và đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất tivi.
- Tài sản đảm bảo: Khoản vay này được bảo lãnh của bên thứ ba bằng:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

- + Bất động sản thuộc sở hữu của Công ty. Chi tiết xem tại mục V.11 – Thuyết minh Báo cáo tài chính
+ Bất động sản tại số 97/2 Nguyễn Hữu Cảnh, Tp. Hồ Chí Minh (xem tại Thuyết minh V.12).

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**Chi tiết xem *Phụ lục 02* đính kèm.**23b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.062.360.940.000	1.062.360.940.000
+ Vốn góp tăng trong năm	106.226.370.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.168.587.310.000	1.062.360.940.000

23c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	116.858.731	106.236.094
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	116.858.731	106.236.094
- Cổ phiếu phổ thông	116.858.731	106.236.094
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	116.858.731	106.236.094
- Cổ phiếu phổ thông	116.858.731	106.236.094
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (HỢP NHẤT) (ĐVT: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Tổng doanh thu**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán linh kiện điện tử	291.637.444.676	145.199.176.971
- Doanh thu bán bãi	16.345.041.669	13.506.115.603
- Doanh thu bán điện mặt trời	181.325.849.621	185.262.606.041
- Doanh thu bán dụng cụ gia dụng	302.942.359.439	180.800.205.612
- Doanh thu vận chuyển và khác	804.760.414	702.619.121
Cộng	793.055.455.819	525.470.723.348

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô B-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Doanh thu đối với các bên liên quan

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu hoạt động vận chuyển		
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (“DLG”)	54.545.456	54.545.456

2. Giá vốn hàng bán

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn linh kiện điện tử đã bán	309.069.288.508	126.409.233.177
- Giá vốn bến bãi	4.892.690.089	4.410.497.568
- Giá vốn bán điện mặt trời	57.648.679.690	57.040.318.715
- Giá vốn bán dụng cụ gia dụng	267.040.041.378	153.791.816.686
- Giá vốn vận chuyển và khác	871.777.789	880.415.608
Cộng	639.522.477.454	342.532.281.754

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi và lãi cho vay	34.294.064.690	28.437.914.556
- Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	6.160.726.849	
- Doanh thu tài chính khác	2.003.660.408	3.754.892.397
Cộng	42.458.451.947	32.192.806.953

4. Chi phí tài chính

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	61.642.362.981	69.945.313.720
- Hoàn nhập/dự phòng bổ sung đầu tư tài chính	(5.824.398.940)	-
- Chi phí tài chính khác	3.258.620.977	61.007.462.530
Cộng	59.076.585.018	130.952.776.250

5. Chi phí bán hàng

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân công	570.720.536	595.337.627
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.012.327.943	2.335.958.686
- Chi phí khác	3.058.547.054	178.710.852
Cộng	8.641.595.533	3.110.007.165

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	51.310.289.710	24.304.023.245
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.389.464.125	6.758.163.453
- Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) nợ khó đòi	(15.194.361.820)	-
- Phân bổ lợi thế thương mại	34.476.698.243	22.000.344.207
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.850.788.205	4.063.690.722
- Các chi phí khác	5.829.630.476	14.062.731.747
Cộng	107.662.508.939	71.188.953.374

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	4.054.280.673	1.386.485.583
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.054.280.673	1.386.485.583
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	116.858.731	106.236.094
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	13

8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	4.054.280.673	1.386.485.583
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.054.280.673	1.386.485.583
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	116.858.731	106.236.094
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phát hành thêm sau ngày cuối năm (CP) (*)	63.741.656	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22	13

(*) Số lượng cổ phiếu được phát hành theo quyền chọn mua, được thực hiện sau ngày cuối năm.

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	485.641.123.208	210.097.596.076
- Chi phí nhân công	148.648.176.525	78.214.450.075
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.620.027.942	57.105.179.386
- Phân bổ lợi thế thương mại	34.476.698.243	22.000.344.207
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	69.210.459.716	41.250.051.427
- Chi phí bằng tiền khác	14.323.358.855	18.068.486.187
Cộng	811.919.844.489	426.736.107.358

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Tập đoàn không có khoản nợ tiềm tàng nào sẽ phát sinh tính đến thời điểm phát hành báo cáo này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
- Ông Nguyễn Đình Trạc	Tổng Giám đốc	180.000.000	179.423.077
- Ông Chu Sỹ Hoạt	Phó Giám đốc	57.345.000	128.505.000
- Ông Phạm Tiến Dũng	Phó Giám đốc	134.280.000	133.905.000
- Bà Hà Thị Phương Oanh	Kế toán trưởng	144.000.000	119.615.385
Cộng		515.625.000	561.448.462

Trong kỳ, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không phát sinh tiền lương và thù lao tại Công ty.

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Bùi Pháp	Cổ đông lớn của Công ty (chiếm 24,01% vốn điều lệ)
Công ty CP BOT&BT Đức Long Đắc Nông ("BOT Đắc Nông")	Công ty liên kết (Công ty nắm giữ 29% vốn điều lệ)
Ông Nguyễn Thanh Lâm	Người đại diện theo pháp luật (Giám đốc) của Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen (bổ nhiệm từ ngày 06/07/2023)
Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai ("DLG")	Chung cổ đông lớn (ông Bùi Pháp)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các giao dịch phát sinh giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
1. Ông Bùi Pháp	DLG Ninh Thuận thu nợ vay	-	800.000.000
	DLG Ninh Thuận thu lãi cho vay	-	1.077.123.288
	DLG Ninh Thuận ghi nhận lãi cho vay	-	61.808.221
2. Công ty CP BOT&BT Đức Long Đắk Nông	Cổ tức được nhận	8.700.000.000	8.700.000.000
3. Ông Nguyễn Thanh Lâm	Thanh toán gốc vay	-	77.450.000.000
	Lãi vay	-	1.052.186.301
4. Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai	Thuê ki ốt	1.056.000.000	1.056.000.000
	Thuê mái nhà	60.000.000	60.000.000
	Doanh thu cho thuê xe	54.545.456	54.545.456
	Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty CP BOT&BT Đức Long Đắk Nông	529.500.000.000	-

Số dư cuối kỳ các bên liên quan

Xem tại các mục thuyết minh V.4, V.5, V.6, V.7, V.16, V.19.

3. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Tập đoàn dùng tài sản của Tập đoàn (Công trình mở rộng bến xe Đức Long Gia Lai tại đường Lý Nam Đế, phường Trà Bá, tỉnh Gia Lai (xem Thuyết minh V.11) để đảm bảo thanh toán cho các khoản phát hành trái phiếu ngày 31/12/2014 của bên thứ 3 (Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai - chung cổ đông lớn). Khoản bảo lãnh này đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua theo Biên bản họp số 08/BB-HĐQT ngày 05/12/2014.

Tài sản đảm bảo của bên thứ ba

Tập đoàn được bên thứ 3 (ông Hồ Hải Đăng, ông Bùi Pháp và bà Nguyễn Thị Hương) bảo lãnh cho khoản vay của Tập đoàn bằng tài sản cá nhân (xem Thuyết minh V.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

<i>Năm nay</i>	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
Bán linh kiện điện tử	291.637.444.676	309.069.288.508	(17.431.843.832)
Dịch vụ bến bãi	16.345.041.669	4.892.690.089	11.452.351.580
Điện mặt trời	181.325.849.621	57.648.679.690	123.677.169.931
Bán dụng cụ gia dụng	302.941.274.589	267.040.041.378	35.901.233.211
Dịch vụ vận chuyển và khác	804.760.414	871.777.789	(67.017.375)
Cộng	793.054.370.969	639.522.477.454	153.531.893.515

<i>Năm trước</i>	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
Bán linh kiện điện tử	145.199.176.971	126.409.233.177	18.789.943.794
Dịch vụ bến bãi	13.506.115.603	4.410.497.568	9.095.618.035
Điện mặt trời	185.262.606.041	57.040.318.715	128.222.287.326
Bán dụng cụ gia dụng	180.797.484.277	153.791.816.686	27.005.667.591
Dịch vụ vận chuyển và khác	702.619.121	880.415.608	(177.796.487)
Cộng	525.468.002.013	342.532.281.754	182.935.720.259

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

<i>Năm nay</i>	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
Trong lãnh thổ Việt Nam	194.988.412.344	88.044.401.868	106.944.010.476
Ngoài lãnh thổ Việt Nam	598.065.958.625	551.478.075.586	46.587.883.039
Cộng	793.054.370.969	639.522.477.454	153.531.893.515

<i>Năm trước</i>	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ
Trong lãnh thổ Việt Nam	381.185.147.422	216.379.161.941	164.805.985.481
Ngoài lãnh thổ Việt Nam	144.282.854.591	126.153.119.813	18.129.734.778
Cộng	525.468.002.013	342.532.281.754	182.935.720.259

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính (hợp nhất)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Tp. Hồ Chí Minh

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

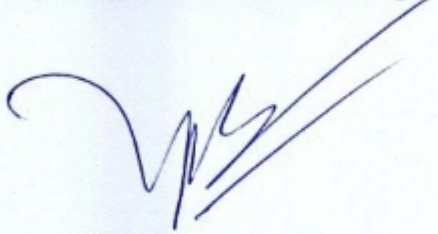
Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Tập đoàn sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo (hợp nhất) này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

Tổng Giám đốc



NGUYỄN ĐÌNH TRẠC

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục số 1**PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
1. Số dư đầu năm	167.389.612.727	1.531.260.249.071	12.237.949.877	112.451.839.309	1.823.339.650.984
2. Tăng trong năm	2.394.890.005	19.545.386.417	1.761.062.303	3.196.376.113	26.897.714.838
- Tăng mua mới	1.656.630.885	2.333.430.896	1.547.787.273	462.953.355	6.000.802.409
- Tăng do chuyển đổi báo cáo	738.259.120	17.211.955.521	213.275.030	2.733.422.758	20.896.912.429
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	169.784.502.732	1.550.805.635.488	13.999.012.180	115.648.215.422	1.850.237.365.822
<i>Trong đó: TSCĐ Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	37.199.858.214	742.238.517.277	10.609.102.352	800.325.200	790.847.803.043
II Giá trị hao mòn lũy kế					
1 Số dư đầu năm	66.675.895.832	898.674.828.519	11.702.005.821	109.048.605.538	1.086.101.335.710
2. Tăng trong năm	7.209.421.695	63.814.149.076	634.445.486	3.353.320.990	75.011.337.247
- Khấu hao trong năm	6.471.162.575	46.715.515.396	421.170.456	648.494.326	54.256.342.753
- Tăng do chuyển đổi báo cáo	738.259.120	17.098.633.680	213.275.030	2.704.826.664	20.754.994.494
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	73.885.317.527	962.488.977.595	12.336.451.307	112.401.926.528	1.161.112.672.957
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	100.713.716.895	632.585.420.552	535.944.056	3.403.233.771	737.238.315.274
2. Tại ngày cuối năm (*)	95.899.185.205	588.316.657.893	1.662.560.873	3.246.288.894	689.124.692.865

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp cho khoản vay của Tập đoàn là 618.873.639.361 đồng (xem Thuyết minh V.22); báo lãnh cho các khoản phát hành trái phiếu của Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (chung cổ đông lớn) là 2.630.771.475 đồng (Xem tại mục VII.3).

Người lập biểu/Kế toán trưởng


HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Trưởng Giám Đốc



CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Địa chỉ: Lô 13-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (bếp nhất) (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục số 2

PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa nhân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (*)	Cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024							
Tại ngày 01/01/2024	1.062.360.940.000	1.049.485.820	-	663.498.805	163.466.413.767	169.997.780.389	1.397.538.118.781
Tăng trong năm	-	-	8.690.981.673	-	1.386.485.583	29.442.371.298	39.519.838.554
- Tăng từ kết quả kinh doanh	-	-	-	-	1.386.485.583	25.000.836.114	26.387.321.697
- Tăng do hợp nhất công ty con năm đầu tiên	-	-	-	-	-	4.239.667.504	4.239.667.504
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	8.690.981.673	-	-	201.867.680	8.892.849.353
Giảm trong năm	-	-	-	-	(701.513.762)	(65.000.000.000)	(65.701.513.762)
- Giảm do trong năm thành lý công ty liên kết đã ghi nhận giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ có năm trước	-	-	-	-	(701.513.762)	-	(701.513.762)
- Chưa có tác	-	-	-	-	-	(65.000.000.000)	(65.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	1.062.360.940.000	1.049.485.820	8.690.981.673	663.498.805	164.151.385.588	134.440.151.687	1.371.356.443.573
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025							
Tại ngày 01/01/2025	1.062.360.940.000	1.049.485.820	8.690.981.673	663.498.805	164.151.385.588	134.440.151.687	1.371.356.443.573
Tăng trong năm	106.226.370.000	-	4.256.256.696	-	4.054.280.673	41.114.707.413	155.651.614.782
- Từ kết quả kinh doanh	-	-	-	-	4.054.280.673	41.015.846.237	45.070.126.910
- Tăng từ chia có tác bằng cổ phiếu	106.226.370.000	-	-	-	-	-	106.226.370.000
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo	-	-	4.256.256.696	-	-	98.861.176	4.355.117.872
Giảm trong năm	(364.800.000)	-	-	-	(112.964.382.766)	(64.101.209.726)	(177.430.392.492)
- Chưa có tác	-	-	-	-	-	(64.000.000.000)	(64.000.000.000)
- Chưa có tác bằng cổ phiếu	(364.800.000)	-	-	-	(106.226.370.000)	(101.209.726)	(106.226.370.000)
- Giảm khác	-	(364.800.000)	-	-	(6.738.012.766)	(101.209.726)	(7.204.022.492)
Tại ngày 31/12/2025	1.168.587.310.000	684.685.820	12.947.238.369	663.498.805	55.241.283.495	111.453.649.374	1.349.577.665.863

(*) Tình hình tăng giảm Lợi ích cổ đông không kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025:

	Tại ngày 01/01/2025	Lãi(L)/từ Kết quả kinh doanh trong kỳ	Phân phối lợi nhuận trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo	Giảm khác	Tại ngày 31/12/2025
- Công ty TNHH Mass Noble	3.982.015.068	(1.935.934.161)	-	98.861.176	-	2.144.942.083
- Công ty CP Điện mặt trời DLG Ninh Thuận	130.458.136.619	42.951.780.399	(64.000.000.000)	-	(101.209.726)	109.308.707.291
Cộng	134.440.151.687	41.015.846.238	(64.000.000.000)	98.861.176	(101.209.726)	111.453.649.374

Người lập biểu/Kế toán trưởng

(Chữ ký)
HÀ THỊ PHƯƠNG OANH

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Tại Văn phòng Công ty

